



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ NHẤT
ACCREDITATION SCHEDULE, FIRST EXPANSION

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: Công ty TNHH PQI Việt Nam

Tiếng Anh/ in English: PQI Vietnam Company Limited

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 080 - EMS

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ đăng ký kinh doanh/ Registered business address:

Số 12, ngõ 84/33 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
No. 12, Lane 84/33 Ngọc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi City, Vietnam

Địa chỉ văn phòng/ Head office address:

Phòng 203, Biệt thự G2, Số 03 phố Thành Công, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Room 203, Villa G2, No. 03 Thanh Cong Street, Giang Vo Ward, Hanoi City, Vietnam

Tel: (+84) 246 2833 330 Email: office@pqi.vn Website: www.pqi.vn

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

- ISO/IEC 17021-1: 2015;
- ISO/IEC 17021-2: 2016

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from / /2025 đến/ to 24/10/2030



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN THỨ NHẤT
ACCREDITATION SCHEDULE, FIRST EXPANSION

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001: 2015 cho các lĩnh vực như sau/ *Certification of environment management system according to ISO 14001: 2015 for the scopes as follows:*

Nhóm ngành/ <i>Technical cluster</i>	Mã IAF <i>IAF code</i>	Phạm vi công nhận <i>Accreditation scope</i>	Phạm vi cụ thể theo mã NACE, Rev.2 <i>Detail scopes according to NACE code, Rev.2</i>
Hóa chất <i>Chemicals</i>	12	Hóa chất, các sản phẩm hóa và sợi hóa học <i>Chemicals, chemical products and fibers</i>	20: Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa học/ <i>Manufacture of chemicals and chemical products</i>
	14	Cao su và các sản phẩm nhựa <i>Rubber and plastic products</i>	22.1: Sản xuất các sản phẩm cao su/ <i>Manufacture of rubber products</i> 22.2: Sản xuất các sản phẩm nhựa/ <i>Manufacture of plastics products</i>
	15	Các sản phẩm khoáng phi kim <i>Non-metallic mineral products</i>	23.1: Sản xuất kính và sản phẩm kính/ <i>Manufacture of glass and glass products</i> 23.2: Sản xuất gạch nung/ <i>Manufacture of refractory products</i> 23.3: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét/ <i>Manufacture of clay building material</i> 23.4: Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác/ <i>Manufacture of other porcelain and ceramic products</i> 23.7: Cắt, tạo hình, hoàn thiện đá/ <i>Cutting, shaping and finishing of stone</i> 23.9: Sản xuất các sản phẩm mài mòn và các sản phẩm khoáng phi kim khác (chưa được phân loại)/ <i>Manufacture of abrasive products and non-metallic mineral products n.e.c.</i>
	16	Bê tông, xi măng, vôi, vữa v.v <i>Concrete, cement, lime, plaster, etc.</i>	23.5: Sản xuất xi măng, vôi, vữa/ <i>Manufacture of cement, lime and plaster</i> 23.6: Sản xuất các sản phẩm từ bê tông, xi măng, vữa/ <i>Manufacture of articles of concrete, cement and plaster</i>
	17	Giới hạn đối với “Sản xuất kim loại cơ bản” <i>Limited to “Base metals production”</i>	24 (ngoại trừ/ <i>except</i> 24.46): Sản xuất kim loại cơ bản/ <i>Manufacture of basic metals</i>

Ghi chú/Note: Công ty TNHH PQI Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *PQI Vietnam Company Limited must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*